

Bài 34. CÁC HỆ THỐNG SÔNG LỚN Ở NƯỚC TA

I. MỤC TIÊU CỦA BÀI HỌC

Qua bài học, HS nắm được :

- Vị trí, tên gọi chín hệ thống sông lớn.
- Đặc điểm ba vùng thủy văn (Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ).
- Một số hiểu biết về khai thác các nguồn lợi sông ngòi và giải pháp phòng chống lũ lụt ở nước ta.

II. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý CỦA BÀI HỌC

1. Sự phân định các hệ thống sông ở Việt Nam

Theo thống kê của Tổng cục Khí tượng – Thủy văn (1985) đất nước ta có tới 2360 sông với chiều dài dòng chảy trên 10 km. Các sông này lập thành 106 hệ thống sông lớn nhỏ, trong đó phân lục địa là 102 và phần hải đảo là 4 hệ thống sông. Nếu chỉ tính các hệ thống sông với chiều dài dòng chính trên 200 km và diện tích lưu vực trên 10 000 km² thì Việt Nam có 9 hệ thống (Bảng 34.1 – SGK). Trong đó chỉ có 2 hệ thống có chiều dài dòng chính trên 1000 km và diện tích lưu vực trên 100 000 km² là hệ thống sông Hồng và hệ thống sông Mê Công (Cửu Long).

2. Phân vùng sông ngòi Việt Nam

Phù hợp với chế độ mưa lũ, sông ngòi nước ta được phân thành ba vùng :

a) Sông ngòi Bắc Bộ : Gồm các hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình, sông Bằng Giang – sông Kỳ Cùng và sông Mã (theo Alat khí tượng – thủy văn Việt Nam).

b) Sông ngòi Trung Bộ : Gồm các hệ thống sông Cả, sông Thu Bồn, sông Đà Rằng.

c) Sông ngòi Nam Bộ : Gồm hai hệ thống : sông Đồng Nai, sông Mê Công.

3. Vấn đề sống chung với lũ

Từ lâu, nhân dân vùng đồng bằng sông Cửu Long đã sống chung với lũ lụt. Thực tế đó đã quen thuộc và trở nên một tập quán, một cách sống gắn liền với

sông nước của người dân ở đây. Thật khó có thể thống kê hết những giá trị to lớn về kinh tế, văn hoá của mùa nước nổi cũng như những thảm hoạ đồng hành với nó. Chỉ tính mùa lũ năm 2000 đã gây thiệt hại 4000 tỉ đồng, 480 người chết trong đó 320 là trẻ em, 891 500 hộ bị ngập nước. Riêng về giáo dục đã có 2807 trường bị ngập và thiệt hại nặng, 835 000 HS phải nghỉ học nhiều ngày.

Rõ ràng, chung sống với lũ ở đây là một vấn đề cực kì quan trọng mang cả ý nghĩa khoa học lẫn ý nghĩa thực tiễn to lớn. Đảng và Nhà nước ta đã tập trung mọi nỗ lực cùng với nhân dân cả nước để giải quyết đồng bộ và từng bước vấn đề này.

III. CÁC THIẾT BỊ DẠY HỌC CẦN THIẾT

– Bản đồ địa lí tự nhiên Việt Nam treo tường hoặc lược đồ các hệ thống sông lớn ở Việt Nam (*hình 33.1 SGK*) phóng to.

– Bảng hệ thống các sông lớn ở Việt Nam (bảng 34.1 SGK) vẽ to để treo tường.

– Hình ảnh chống lũ lụt ở nước ta (*ảnh đê sông Hồng, ảnh kênh rạch miền Nam, ảnh du lịch sông nước Nam Bộ*).

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH THỰC HIỆN BÀI HỌC

1. Lời giới thiệu

GV cần nêu lên sự cần thiết của tiết học. Sau khi đã học bài Đặc điểm sông ngòi Việt nam, các em cần tìm hiểu kĩ hơn các hệ thống sông của nước ta. Vì sao ? Vì mỗi hệ thống sông, thậm chí một con sông cũng có những đời sống riêng của nó. Sông nào lũ mùa hạ, sông nào lũ mùa đông ? Cần phải làm gì để chung sống với lũ lụt ở đồng bằng sông Cửu Long ? vv...

Đó là những vấn đề rất quan trọng sẽ được làm sáng tỏ trong bài học này.

2. Gợi ý giảng dạy

GV sử dụng phương pháp đàm thoại, vấn đáp và bản đồ để hướng dẫn HS.

Như ta đã biết, nước ta có tới 2360 con sông. Các sông này không tồn tại riêng rẽ mà liên kết với nhau thành các hệ thống sông lớn, nhỏ.

Nếu lấy theo chỉ tiêu diện tích lưu vực tối thiểu phải trên 10 000 km², thì Việt Nam chỉ có 9 hệ thống sông lớn, còn lại là các hệ thống sông nhỏ. Căn cứ vào bảng 34.1 và hình 33.1 trong SGK các em cho biết tên và vị trí của 9 hệ thống sông đó? Các hệ thống sông nhỏ phân bố ở đâu? Ví dụ?

GV hướng dẫn HS chỉ các hệ thống sông theo một trật tự nhất định hoặc theo như bảng 34.1 đã ghi. Nếu có thể được, GV cho HS liên hệ địa phương, xác định con sông lớn nhất ở địa phương thuộc hệ thống sông nào?

GV chỉ dẫn các hệ thống sông chính trên bản đồ treo tường làm mẫu. Chú ý chỉ theo hướng dòng chảy, từ dòng chính đến các phụ lưu, chi lưu, cửa sông. Sau đó cho các em thực hành, xác định lại trên bản đồ và gọi một số em lên bảng để kiểm tra, uốn nắn.

Có thể ghép HS (theo bàn học) thành ba nhóm A, B, C để tìm hiểu các mục 1, 2, 3 của SGK (cách làm như bài 33 đã hướng dẫn).

GV nên dành thời gian cho cả lớp thảo luận chung vấn đề sống chung với lũ ở đồng bằng sông Cửu Long. Nêu rõ mặt thuận lợi, mặt khó khăn và một số biện pháp phòng lũ hiện nay.

GV có thể đọc các số thống kê thiệt hại trong mùa lũ năm 2000 đã nêu ra ở mục II.3 hoặc bổ sung thêm tư liệu mới.

V. GỢI Ý TRẢ LỜI MỘT SỐ CÂU HỎI KHÓ

1. Sông Mê Công chảy qua nước ta có tên là gì? Chia làm mấy nhánh? Đổ ra biển bằng những cửa nào?

- Sông Cửu Long
- 2 nhánh : Tiền Giang và Hậu Giang
- 9 cửa : Tiểu, Đại, Ba Lai, Hàm Luông, Cổ Chiên, Cung Hầu, Định An, Bát Sác, Trần Đề.

2. Thuận lợi và khó khăn do nước lũ gây ra ở đồng bằng sông Cửu Long

a) Thuận lợi

- Thau chua, rửa mặn đất đồng bằng.
- Bồi đắp phù sa tự nhiên, mở rộng diện tích đồng bằng.

- Du lịch sinh thái trên kênh rạch và rừng ngập mặn.
- Giao thông trên kênh rạch.

b) Khó khăn

- Gây ngập lụt diện rộng và kéo dài.
- Phá hoại nhà cửa, vườn tược, mùa màng.
- Gây ra dịch bệnh do ô nhiễm môi trường.
- Làm chết người, gia súc.

3. Nêu cách phòng chống lũ lụt ở đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long

Đồng bằng sông Hồng	Đồng bằng sông Cửu Long
<ul style="list-style-type: none"> - Đắp đê lớn chống lụt - Tiêu lũ theo sông nhánh và ô trũng (đã chuẩn bị) - Bơm nước từ đồng ruộng ra sông 	<ul style="list-style-type: none"> - Đắp đê bao hạn chế lũ nhỏ - Tiêu lũ ra vùng biển phía tây theo các kênh rạch - Làm nhà nổi, làng nổi - Xây dựng làng tại các vùng đất cao, hạn chế tác động của lũ.

Để sống chung cùng lũ ở đồng bằng sông Cửu Long lâu dài, bền vững một số việc cần phải làm là :

- Chủ động, sẵn sàng vật tư, phương tiện, lương thực, thực phẩm, thuốc men trước mùa lũ.
- Xây dựng cơ cấu kinh tế và nếp sống phù hợp môi trường sinh thái ngập lũ theo mùa.
- Xây dựng các công trình phân lũ, thoát lũ nhanh
- Xây dựng khu tập trung dân cư an toàn có kiến trúc phù hợp (nhà nổi, làng nổi).
- Phối hợp hoạt động với các nước trong Ủy ban sông Mê Công để dự báo chính xác và sử dụng hợp lí các nguồn lợi sông Mê Công.